

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG TRẦN LÃM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1033/ UBND - KTHTĐT
V/v hướng dẫn hồ sơ, thủ tục triển
khai Kế hoạch 296/KH-UBND ngày
28/7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh
triển khai Nghị quyết số 13/2026/NQ-
HĐND và Nghị quyết số 16/2026/NQ-
HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh,
Kế hoạch số 297/KH-UBND ngày
28/7/2026

Phường Trần Lâm, ngày 07 tháng 8 năm 2026

Kính gửi:

- Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị;
- Phòng Văn hoá - Xã hội;
- Trung tâm phục vụ hành chính công;
- Các tổ dân phố.

Thực hiện Nghị quyết số 13/2026/NQ-HĐND ngày 09/7/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ thu nhập hằng tháng đối với một số thành viên không có khả năng lao động thuộc hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 09/7/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế đối với người thuộc hộ thoát nghèo trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030; Kế hoạch số 296/KH-UBND ngày 28/7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 13/2026/NQ-HĐND ngày 09/7/2026 và Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 09/7/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Văn bản số 5550/SNNMT- PTNT ngày 04/8/2026 của Sở Nông nghiệp và môi trường, Kế hoạch số 297/KH-UBND ngày 28/7/2026 của UBND tỉnh về thực hiện hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh năm 2026.

Ủy ban nhân dân phường hướng dẫn hồ sơ, thủ tục triển khai các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, cụ thể như sau:

1. Tổ dân phố trên địa bàn phường

1.1. Thu thập thông tin đối tượng

A. Triển khai Kế hoạch số 296/KH-UBND ngày 28/7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 13/2026/NQ-HĐND ngày 09/7/2026 và Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 09/7/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh:

Căn cứ danh sách hộ nghèo, hộ thoát nghèo do phòng Kinh tế, Hạ tầng và đô thị cung cấp, các tổ dân phố tổ chức thực hiện rà soát, thu thập, kê khai:

- Các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 13/2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh: “1. *Người thuộc hộ nghèo theo quy định chuẩn nghèo đa chiều quốc gia, không có khả năng lao động, không có khả năng thoát nghèo, đang hưởng một hoặc nhiều khoản trợ cấp hằng tháng (bao gồm trợ cấp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội, trợ cấp bảo hiểm xã hội và các khoản trợ cấp khác từ ngân sách nhà nước) có tổng mức hưởng hằng tháng dưới mức tiêu chí thu nhập chuẩn nghèo đa chiều quốc gia theo quy định*”.

(thực hiện kê tờ khai theo Mẫu số 1a)

- Các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 13/2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh: “2. Người thuộc hộ nghèo theo quy định chuẩn nghèo đa chiều quốc gia, không có khả năng lao động, không có thu nhập hằng tháng (tiền lương, tiền công, trợ cấp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội, trợ cấp bảo hiểm xã hội và các khoản trợ cấp khác từ ngân sách nhà nước) thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Người cao tuổi (từ đủ 60 tuổi trở lên) không có khả năng thoát nghèo huộc một trong các trường hợp sau:

Không có vợ, chồng, con (bao gồm cả trường hợp: có vợ hoặc chồng nhưng đã ly hôn; có vợ, chồng, con nhưng những người này đã chết, mất tích theo quy định của pháp luật);

Có vợ hoặc chồng và không có con (bao gồm cả trường hợp có con nhưng con đã chết hoặc mất tích theo quy định của pháp luật);

Có vợ, chồng, con nhưng những người này thuộc một trong các trường hợp: đang hưởng trợ cấp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội, trợ cấp bảo hiểm xã hội và các khoản trợ cấp hằng tháng khác từ ngân sách nhà nước tại cộng đồng; đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội; đang chấp hành án phạt tù tại trại giam; đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc; con dưới 18 tuổi; con từ đủ 18 tuổi đến không quá 22 tuổi đang trong thời gian học văn hóa, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất; thuộc đối tượng quy định tại các điểm b, c, d, đ khoản này.

b) Người được giám định có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên theo quy định của pháp luật;

c) Người mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định tại Danh mục ban hành kèm theo Thông tư số 50/2024/TT-BYT ban hành danh mục bệnh hiểm nghèo để các tổ chức, cá nhân vận động, tiếp nhận, phân phối và sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo;

d) Người mắc bệnh cần chữa trị dài ngày theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2025/TT-BYT quy định chi tiết thi hành Luật 3 Bảo hiểm xã hội, Luật An toàn, vệ sinh lao động về lĩnh vực y tế và một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

đ) Trẻ em;

e) Người từ đủ 16 tuổi nhưng đang học văn hóa, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất được hưởng chính sách hỗ trợ cho đến khi kết thúc khóa học, nhưng tới đã không quá 22 tuổi.”

(thực hiện kê tờ khai theo Mẫu số 1b)

- Các đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 16/2026/NQ-HĐND ngày 09/7/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh như sau:

“Quy định hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ thoát nghèo trên địa bàn tỉnh Hưng Yên”

(thực hiện kê tờ khai theo Mẫu số 1c)

B. Triển khai Kế hoạch số 297/KH-UBND ngày 28/7/2026 của UBND tỉnh về thực hiện hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh năm 2026:

- Rà soát hồ sơ và hiện trạng; lập danh sách các hộ có nhu cầu và đủ điều kiện đã đề nghị hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tổ dân phố năm 2026 (*Mẫu số 01*);

- Các trường hợp thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn đề nghị hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát từ nguồn quỹ Vì người nghèo thực hiện theo kế hoạch và hướng dẫn của Ủy ban MTTQ Việt Nam phường.

1.2. Lập danh sách đối tượng

- Căn cứ thông tin tờ khai thu thập thông tin của các đối tượng (*tại mục 1.1*) lập danh sách tổng hợp các hộ nghèo đề nghị hưởng chính sách hỗ trợ thu nhập theo (*Mẫu 2a*); danh sách tổng hợp đề nghị hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế đối với người thuộc hộ thoát nghèo theo (*Mẫu 2b*);

- Lập danh sách theo từng nhóm đối tượng cụ thể:

- + Mẫu số 03: Hỗ trợ thêm thu nhập hằng tháng đối với người không có khả năng lao động thuộc hộ nghèo;

- + Mẫu số 04: Hỗ trợ thu nhập hằng tháng đối với người không có khả năng lao động thuộc hộ nghèo;

- + Mẫu số 05: Hỗ trợ bảo hiểm y tế đối với người thuộc hộ thoát nghèo.

- Danh sách các tổ dân phố gửi về UBND phường (qua phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị) thời gian xong trước ngày **10/8/2026** để tổng hợp niêm yết công khai theo quy định.

- Lập danh sách các hộ có nhu cầu và đủ điều kiện đã đề nghị hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn năm 2026 (*Mẫu số 01*);

- Lập danh sách các hộ đề nghị hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát đủ điều kiện thực hiện năm 2026 (*Mẫu số 02*).

2. Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường

- Phối hợp với phòng Văn hoá- Xã hội thực hiện rà soát, lập danh sách người thuộc hộ thoát nghèo được cấp có thẩm quyền công nhận đủ điều kiện hỗ trợ thu nhập hằng tháng theo (*Mẫu số 01*) và lập danh sách hộ nghèo đề nghị hưởng chính sách hỗ trợ thu nhập hằng tháng (*Mẫu số 02*) có nhu cầu hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế (*Mẫu số 06*) trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường phê duyệt danh sách;

- Chủ trì, phối hợp với Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh, các Sở, ngành liên quan, tổ chức rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo hằng năm theo quy định;

- Chủ trì, phối hợp kiểm tra, rà soát việc lập danh sách hỗ trợ thu nhập hằng tháng cho các đối tượng theo đúng quy định (*Mẫu số 03; Mẫu số 04, Mẫu số 05, Mẫu 6a, Mẫu 6b*) và niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường, nhà văn hóa tổ thời gian trong **03 ngày làm việc**.

- Tiến hành niêm yết công khai danh sách các hộ đề nghị hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát đủ điều kiện thực hiện năm 2026 (*Mẫu số 02*) tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường và nhà văn hóa tổ dân phố thực hiện niêm yết thời gian trong **03 ngày làm việc**.

- Hoàn thiện danh sách theo mẫu tham mưu UBND phường trình Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, UBND tỉnh thẩm định, phê duyệt theo quy định.

3. Phòng Văn hoá - Xã hội phường

- Chủ trì, hướng dẫn, thẩm định hồ sơ đối với các trường hợp thuộc diện hỗ trợ theo Điều 2 Nghị quyết số 13/2026/NQ-HĐND, Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 16/2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh đảm bảo đúng đối tượng, kịp thời, không trùng lặp, trình Chủ tịch UBND phường ra Quyết định cho các đối tượng theo quy định. Thời gian hoàn thành trước ngày 15/8/2026;

- Phối hợp các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong việc xác nhận tình trạng bệnh, cung cấp thông tin chuyên môn và hồ sơ thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật để phục vụ việc rà soát, xác định đối tượng hưởng chính sách, người được giám định có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên theo quy định của pháp luật; người mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định của Bộ Y tế; người mắc bệnh cần chữa trị dài ngày theo quy định của Bộ Y tế;

- Phối hợp với, Bảo hiểm xã hội cơ sở Thái Bình và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện; tham gia giải quyết các khó khăn, vướng mắc thuộc lĩnh vực quản lý của ngành y tế.

- Lập gửi danh sách các đối tượng được hưởng hỗ trợ bảo hiểm y tế quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 16/2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh đã được phê duyệt (kèm theo dữ liệu điện tử) cho Bảo hiểm xã hội cơ sở; Bảo hiểm xã hội cơ sở thực hiện cấp thẻ BHYT cho đối tượng (bản giấy/điện tử).

- Tổ chức triển khai, tuyên truyền, phổ biến tới các tổ dân phố và toàn thể nhân dân nội dung Kế hoạch số 297/KH-UBND ngày 28/7/2026 của UBND tỉnh về thực hiện hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh năm 2026

4. Nội dung và mức hỗ trợ

4.1. Hỗ trợ thêm thu nhập ổn định hằng tháng cho các đối tượng tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 13/2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh (sau khi trừ các khoản trợ cấp khác từ ngân sách nhà nước đã được hưởng) để đảm bảo tổng kinh phí trợ cấp và hỗ trợ hằng tháng bằng mức thu nhập chuẩn nghèo đa chiều quốc gia do Chính phủ quy định cụ thể như sau:

a) Năm 2026, đảm bảo tổng mức hỗ trợ theo Nghị quyết và kinh phí trợ cấp khác đang được hưởng hằng tháng là 2.000.000 đồng/người/tháng đối với khu vực đô thị; 1.500.000 đồng/người/tháng đối với khu vực nông thôn;

b) Từ năm 2027 đến năm 2030, đảm bảo tổng mức hỗ trợ theo Nghị quyết và kinh phí trợ cấp khác đang được hưởng hằng tháng là 2.800.000 đồng/người/tháng đối với khu vực đô thị; 2.200.000 đồng/người/tháng đối với khu vực nông thôn;

c) Sau năm 2030, thực hiện hỗ trợ dựa trên mức tiêu chí thu nhập chuẩn nghèo đa chiều quốc gia tại thời điểm thực hiện.

d) Trong thời gian được hưởng hỗ trợ thêm hằng tháng, các đối tượng thuộc khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 13/2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh không còn được hưởng trợ cấp từ ngân sách nhà nước thì được hỗ trợ 100% mức thu nhập quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản này.

4.2. Hỗ trợ hằng tháng cho các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 13/2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh bằng mức thu nhập quy định tại điểm a, điểm b, điểm c mục 4.1 này.

4.3. Mức hỗ trợ xây dựng nhà theo quy định của UBND tỉnh, 100 triệu đối với xây mới, 50 triệu đối với hộ sửa chữa.

5. Thành phần hồ sơ đề nghị hỗ trợ (01 bộ)

(1) Tờ khai đề nghị hỗ trợ thu nhập hằng tháng (Mẫu số 01);

(2) Quyết định hỗ trợ thu nhập hằng tháng (Mẫu số 06);

(3) Bản sao Giấy chứng nhận hộ nghèo;

(4) Bản sao CCCD/mã số ĐDCN;

(5) Bản sao các giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng (tùy từng trường hợp):

- Bản sao Quyết định hưởng trợ cấp gần nhất (đối với đối tượng đang hưởng trợ cấp hằng tháng);

- Giấy xác nhận đang đi học của cơ sở giáo dục đào tạo;

- Giấy tờ chứng minh, xác nhận: người được giám định có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên theo quy định của pháp luật; người mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định của Bộ Y tế; người mắc bệnh cần chữa trị dài ngày theo quy định của Bộ Y tế (do Sở Y tế hướng dẫn);

- Giấy tờ chứng minh: Ly hôn; mất tích; chấp hành án tù; đang ở cơ sở giáo dục bắt buộc/cơ sở cai nghiện.

Yêu cầu các phòng, đơn vị, các tổ dân phố khẩn trương triển khai thực hiện; trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc phản ánh về Ủy ban nhân dân phường (qua phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị) để hướng dẫn thực hiện./

Nơi nhận

- TT Đảng ủy, HĐND phường;
- Chủ tịch, các PCT UBND phường;
- UBMTTQ Việt Nam phường;
- Các phòng KTHTĐT, VHXXH phường;
- Trung tâm hành chính công phường;
- Các tổ dân phố;
- Lưu VT, KTHTĐT.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Thị Lan Anh